TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 – G**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 42/2026/HNGĐ-ST
Ngày 14/5/2026
"V/v Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - G

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà*: Ông Trần Đặng Anh Việt.
- *Các Hội thẩm nhân dân*: Bà Phạm Thị Sâm và bà Phạm Thị Nhàn.
- ***Thư ký phiên toà***: Bà Đoàn Thị Minh Chinh - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 8 – G.
- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – G tham gia phiên tòa***: Ông Nguyễn Sỹ Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân Khu vực 8 – G tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 290/2025/TLST- HNGĐ, ngày 23 tháng 12 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 23/2026/QĐXXST-HNGĐ, ngày 30/3/2026; Quyết định hoãn phiên tòa số: 32/2026/QĐST-HNGĐ, ngày 24/4/2026, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Trần Thị Lan P, sinh năm 1987, địa chỉ: Làng Kro, xã I, tỉnh G.

Có mặt tại phiên tòa. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Trần Văn Đ, sinh năm 1976; địa chỉ: Làng Kro, xã I, tỉnh G.

Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nguyên đơn chị Trần Thị Lan P trình bày:

Chị Trần Thị Lan P và anh Trần Văn Đ có trải qua thời gian tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn ngày 01/8/2014 tại UBND xã Ia O, huyện Chư Prông, tỉnh G (cũ), nay là UBND xã I, tỉnh G.

Trong thời gian chung sống, giữa chị P và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống vợ chồng không hòa thuận, cuộc sống chung không có hạnh phúc. Chị P và anh Đ đã sống ly thân khoảng 7 năm nay, vợ chồng không còn tình cảm, không quan tâm tới nhau. Nay xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã thực sự trầm trọng không còn khả năng hòa giải, tình cảm vợ chồng không còn nên chị P đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Đ.

Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Không có nên chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Toà án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để các đương sự thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Tuy nhiên, bị đơn anh Trần Văn Đ không đến Toà án để tham gia tố tụng, không có lời khai tại hồ sơ và không có lời khai tại phiên toà.

* Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 – G:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng dân sự: Nguyên đơn đã chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Trần Thị Lan P và anh Trần Văn Đ là hợp pháp. Quá trình chung sống, giữa chị P và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian, chị P có đơn xin ly hôn, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh Đ không đến Toà án để tham gia tố tụng. Xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng anh, chị không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị P không còn yêu thương anh Đ, không còn mong muốn chung sống cùng anh Đ nữa. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị P.

+ Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị Trần Thị Lan P và anh Trần Văn Đ không có con chung, tài sản chung, nợ chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

+ Về án phí: Chị Trần Thị Lan P là nguyên đơn nên đề nghị Hội đồng xét xử buộc chị P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Trần Thị Lan P khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Trần Văn Đ có địa chỉ tại: Làng Kro, xã I, tỉnh G. Vì vậy đây là vụ án "Tranh chấp ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Khu vực 8 – G theo quy định tại khoản 1 Điều 28; Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Quá trình giải quyết vụ án, anh Trần Văn Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại các điểm a, b khoản 2 Điều 227 và khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lan P và anh Trần Văn Đ trải qua thời gian tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã I, tỉnh G, vì vậy hôn nhân giữa chị P và anh Đ là hợp pháp theo đúng quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình. Quá trình chung sống với anh Đ, nhận thấy mâu thuẫn phát sinh trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P khởi kiện yêu cầu xin ly hôn với anh Đ.

[4] Hội đồng xét xử xét thấy, quan hệ hôn nhân là sự gắn kết giữa vợ chồng, phải có sự đồng thuận, tự nguyện từ hai phía, phải có tình yêu thương, quan tâm, chăm sóc giữa các thành viên trong gia đình nhưng chị P và anh Đ không ở bên nhau để yêu thương và chia sẻ những vấn đề trong cuộc sống hôn nhân, chị P không còn yêu thương anh Đ, không còn mong muốn chung sống cùng anh Đ nữa. Như vậy, chị P và anh Đ đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Quá trình giải quyết vụ án, anh Đ đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần để tham gia hòa giải, lấy lời khai, tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt và cũng không có ý kiến gì. Điều đó thể hiện anh Đ không còn quan tâm tới quan hệ hôn nhân với chị P, không mong muốn vợ chồng đoàn tụ. Vì vậy, chị P yêu cầu ly hôn với anh Đ là có căn cứ, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình nên cần chấp nhận.

[5] Về con chung, tài sản chung, nợ chung: Chị P trình bày giữa chị và anh Đ không có con chung, tài sản chung, nợ chung, chị P không yêu cầu Tòa án giải quyết và anh Đ cũng không có ý kiến. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Chị Trần Thị Lan P là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; các điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 của Bộ Luật tố tụng Dân sự;

- Các Điều 9, 19, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

- Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Toà án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Lan P.

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Lan P được ly hôn với anh Trần Văn Đ.

2. Về án phí: Buộc chị Trần Thị Lan P phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch về ly hôn để sung quỹ nhà nước, nhưng được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí mà chị P đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006880, ngày 22/12/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh G. Chị P đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ Luật tố tụng Dân sự để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh G xét xử phúc thẩm.

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh G;
- VKSND Khu vực 8;
- Các đương sự;
- UBND xã I;
- Phòng THADS Khu vực 8;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đặng Anh Việt